

PHỤ LỤC II

Tổng hợp số lượng hồ sơ và phí, lệ phí được thanh toán trực tuyến qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 196 BC-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị thụ hưởng	Số lượng hồ sơ	Phí, lệ phí thanh toán trực tuyến
1	CN Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cam Lâm	2.471	120.211.500
2	CN Văn phòng đăng ký đất đai TP. Cam Ranh	1.173	58.455.000
3	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hòa	533	43.566.000
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	28	15.300.000
5	UBND xã Cam Hiệp Nam	305	10.628.000
6	Sở Du lịch	21	8.810.000
7	UBND xã Diên Thọ	129	5.903.000
8	UBND huyện Khánh Sơn	34	4.072.000
9	Sở Nội vụ	14	3.680.000
10	UBND huyện Diên Khánh	25	3.125.000
11	UBND xã Ninh Xuân	150	2.950.000
12	Sở Tư pháp	12	2.430.000
13	UBND phường Vạn Thạnh	116	2.256.000
14	UBND phường Xương Huân	55	1.940.000
15	UBND xã Vạn Lương	59	1.902.000
16	Sở Văn hóa và Thể thao	1	1.500.000
17	UBND thành phố Nha Trang	9	775.000
18	UBND xã Sơn Lâm	37	670.500
19	UBND phường Ninh Hà	33	513.000
20	UBND thành phố Cam Ranh	5	500.000
21	UBND xã Vĩnh Phương	25	432.000
22	UBND thị trấn Tô Hạp	24	419.000
23	UBND xã Sơn Trung	17	394.500
24	UBND xã Ba Cạm Bắc	34	392.000
25	UBND phường Phương Sài	18	372.000
26	UBND xã Vạn Phước	22	340.000
27	UBND xã Vạn Khánh	17	323.000
28	UBND xã Khánh Hiệp	24	313.000
29	UBND xã Vĩnh Thạnh	21	300.000
30	UBND xã Khánh Nam	19	256.000
31	UBND xã Vạn Thọ	9	248.000
32	UBND huyện Khánh Vĩnh	2	200.000
33	UBND xã Diên Toàn	13	196.000
34	UBND xã Khánh Bình	14	176.000
35	UBND xã Liên Sang	14	174.000
36	BQL Khu Kinh tế Vân Phong	1	150.000
37	UBND xã Vĩnh Ngọc	9	108.000
38	UBND phường Vĩnh Phước	8	96.000

STT	Đơn vị thụ hưởng	Số lượng hồ sơ	Phí, lệ phí thanh toán trực tuyến
39	UBND phường Phước Hải	8	96.000
40	UBND phường Phước Tân	6	68.000
41	UBND xã Sơn Bình	5	60.000
42	UBND xã Ninh An	5	60.000
43	UBND phường Phước Long	5	60.000
44	UBND xã Ba Cụt Nam	3	56.000
45	UBND phường Vĩnh Hòa	4	48.000
46	UBND phường Vạn Thắng	3	36.000
47	UBND xã Sông Cầu	3	36.000
48	UBND phường Ninh Đa	3	36.000
49	UBND phường Cam Nghĩa	2	24.000
50	UBND thị xã Ninh Hòa	9	23.000
51	UBND phường Lộc Thọ	2	20.000
52	UBND phường Vĩnh Hải	2	16.000
53	UBND xã Sơn Hiệp	2	16.000
54	UBND xã Vạn Thạnh	1	16.000
55	UBND xã Thành Sơn	2	12.000
56	UBND xã Phước Đồng	1	12.000
	Tổng cộng	5.567	294.771.500

(Thống kê đến ngày 30/9/2020)

PHỤ LỤC I

Kết quả giải quyết hồ sơ, hồ sơ trực tuyến, hồ sơ thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích của khối sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 11/10/2020 của UBND tỉnh)

Năm	Đã tiếp nhận	Đã giải quyết	Trong đó				Hồ sơ thực hiện trực tuyến		Hồ sơ thực hiện bưu chính công ích	
			Đúng hạn		Trễ hạn		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ				
2011 - 2015	7.758.725	7.577.947	7.536.865	99,46%	41.082	0,54%	390	0,01%	171	0,002%
2016	319.914	305.800	282.431	92,36%	23.369	7,64%	5.919	1,94%	72.234	22,58%
2017	483.776	472.135	460.224	97,48%	11.911	2,52%	32.224	6,83%	8.474	1,75%
2018	585.796	573.688	564.007	98,31%	9.681	1,69%	83.247	14,51%	7.761	1,32%
2019	584.215	568.226	545.827	96,06%	22.399	3,94%	96.592	17,00%	7.704	1,32%
2020	431.440	407.680	399.219	97,92%	8.461	2,08%	85.436	20,96%	6.903	1,60%
Tổng	10.163.866	9.905.476	9.788.573	98,82%	116.903	1,18%	303.808	3,07%	103.247	1,02%

Thống kê từ năm 2011 - 30/9/2020

Số TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Tổng hợp kết quả xếp hạng			
		Điểm số	Hạng	Điểm số	Hạng	Điểm số	Hạng	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng	TỐT	KHÁ	TB	YẾU
1	UBND huyện Diên Khánh	90,00	TỐT	82,00	TB	86,50	TỐT	85,11%	TỐT	80,30%	KHÁ	87,37%	TỐT	80,15%	KHÁ	83,21%	KHÁ	77,74%	KHÁ	4	4	1	0
2	UBND huyện Khánh Vĩnh		YẾU	62,00	TB	68,00	TB	50,27%	YẾU		YẾU	85,35%	TỐT	90,20%	TỐT	91,31%	TỐT	92,08%	TỐT	4	0	2	3
3	UBND huyện Vạn Ninh	79,50	KHÁ	80,00	KHÁ	93,00	TỐT	84,04%	KHÁ	85,35%	TỐT	77,02%	KHÁ	85,93%	TỐT	77,15%	KHÁ	77,92%	KHÁ	3	6	0	0
4	UBND huyện Cam Lâm	71,00	TB	76,00	TB	85,00	TỐT	81,65%	KHÁ	85,35%	TỐT	75,76%	KHÁ	83,42%	KHÁ	85,92%	TỐT	79,33%	KHÁ	3	4	2	0
5	UBND TP Nha Trang	75,00	KHÁ	86,50	TỐT	88,50	TỐT	80,32%	KHÁ	81,82%	KHÁ	82,07%	KHÁ	76,88%	KHÁ	81,44%	KHÁ	78,02%	KHÁ	2	7	0	0
6	UBND huyện Khánh Sơn	72,50	TB	61,00	TB	85,00	KHÁ	58,24%	YẾU	77,27%	KHÁ	70,96%	TB	72,86%	TB	85,40%	TỐT	87,34%	TỐT	2	2	4	1
7	UBND Thị xã Ninh Hòa	78,00	KHÁ	83,00	TB	89,00	TỐT	84,04%	KHÁ	78,28%	KHÁ	80,56%	KHÁ	83,17%	KHÁ	80,39%	KHÁ	83,09%	KHÁ	1	7	1	0
8	UBND TP Cam Ranh	78,50	KHÁ	81,50	KHÁ	89,00	TỐT	65,96%	TB	83,84%	KHÁ	76,26%	KHÁ	79,65%	KHÁ	80,92%	KHÁ	77,46%	KHÁ	1	7	1	0
III ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																							
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang					79,00	KHÁ	90,82%	TỐT	89,00%	TỐT	85,50%	TỐT	81,57%	KHÁ	90,81%	TỐT	86,50%	TỐT	5	2	0	0
2	Ban Quản lý Dự án Phát triển tỉnh											76,94%	KHÁ	88,38%	TỐT	94,59%	TỐT	94,00%	TỐT	3	1	0	0
3	Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp					68,50	TB	64,20%	TB	75,00%	KHÁ	81,67%	KHÁ	87,88%	TỐT	90,81%	TỐT	87,76%	TỐT	3	2	2	0
4	Ban QLDA các công trình Giao thông					64,50	TB	69,32%	TB	82,56%	KHÁ	74,44%	KHÁ	87,37%	TỐT	80,00%	KHÁ	89,00%	TỐT	2	3	2	0
5	Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa					74,00	TB	55,61%	YẾU	77,00%	KHÁ	80,50%	KHÁ	71,97%	TB	88,11%	TỐT	86,00%	TỐT	2	2	2	1
6	Ban QLDAĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					55,50	YẾU	78,41%	KHÁ	73,26%	TB	85,00%	TỐT	76,77%	KHÁ	80,00%	KHÁ	76,67%	KHÁ	0	4	1	0
7	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh					60,00	TB	55,61%	YẾU	70,45%	TB	83,97%	KHÁ	68,43%	TB	78,38%	KHÁ	80,00%	KHÁ	0	3	3	1
8	Trường Đại học Khánh Hòa											65,75%	TB	78,03%	KHÁ	65,32%	TB	81,00%	KHÁ	0	2	2	0
9	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa					68,00	TB	67,35%	TB	68,00%	TB	77,00%	KHÁ	72,98%	TB	68,70%	TB	28,25%	YẾU	0	1	5	1

PHỤ LỤC IV

Kết quả chỉ số hài lòng các khối cơ quan, đơn vị từ năm 2014 - 2019
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số 196 BC-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh)

STT	Khối cơ quan, đơn vị	Năm					
		2014	2015	2016	2017	2018	2019
1	Khối các Sở	75,87%	75,68%	76,64%	79,72%	80,46%	80,31%
2	UBND cấp huyện	74,69%	76,45%	75,33%	78,72%	83,19%	82,46%
3	UBND cấp xã	-	78,28%	71,14%	77,33%	81,00%	80,05%
4	Bảo hiểm xã hội	70,78%	71,90%	75,33%	78,72%	83,19%	82,46%
5	Ngành Công an	76,41%	74,06%	71,90%	73,51%	79,52%	80,62%
6	Khối Hải quan	75,98%	77,54%	72,51%	74,58%	81,25%	80,52%
7	Kho bạc Nhà nước	75,96%	76,13%	75,42%	72,88%	80,03%	83,19%
8	Lĩnh vực Thuế	74,21%	75,83%	75,06%	73,69%	78,62%	80,18%
9	Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh	76,43%	79,10%	73,74%	82,64%	81,05%	-
10	Khối Văn phòng đăng ký đất đai	-	-	-	-	-	80,03%
11	Khối Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa	71,20%	-	69,82%	80,19%	83,57%	81,42%
12	Khối Phòng khám đa khoa khu vực	-	-	70,14%	77,51%	78,00%	79,02%
13	Trạm Y tế	-	80,24%	73,90%	79,02%	81,05%	82,67%

PHỤ LỤC V

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và điều tra xã hội học phục vụ xác định

Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa từ năm 2012 - 2019

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 196 BC-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh)

Năm đánh giá	Kết quả tự đánh giá được Bộ Nội vụ thẩm định		Kết quả điểm điều tra xã hội học (gồm người dân, doanh nghiệp và cán bộ, lãnh đạo quản lý)				Kết quả chung	
	Tỷ lệ điểm	Thứ hạng	Tỷ lệ điểm	Thứ hạng	Chỉ số	Thứ hạng	Chỉ số	Thứ hạng
2012	77,41%	31	75,89%	48	76,84%	34		
2013	78,23%	30	78,06%	49	78,15%	32		
2014	87,26%	13	77,68%	51	83,62%	22		
2015	89,52%	17	83,50%	20	87,23%	17		
2016	82,26%	4	76,98%	49	80,84%	12		
Năm đánh giá	Tỷ lệ điểm	Thứ hạng	Kết quả khảo sát người dân, doanh nghiệp		Kết quả khảo sát cán bộ, lãnh đạo quản lý		Chỉ số	Thứ hạng
			Tỷ lệ điểm	Thứ hạng	Tỷ lệ điểm	Thứ hạng		
2017	91,12%	2	86,75%	62	72,80%	33	83,97%	6
2018	86,13%	4	80,67%	42	70,98%	45	79,54%	11
2019	86,53%	12	84,90%	34	68,38%	63	80,91%	34